

Số: 211 /2026/QĐCNTTLH

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH
LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và mục 1 Điều I phần B danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 306/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1991; CCCD số: 038091039148
Cư trú tại: **Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa**
2. Chị **Phạm Thị C1**, sinh năm 1993; CCCD số: 038193000399
Cư trú tại: **Thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Văn C** và chị **Phạm Thị C1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2018 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa)**. Hai bên chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng về quan điểm và không có tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021, chị **C1** đã về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với nhau được nữa nên hai bên cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh **Nguyễn Văn C** và chị **Phạm Thị C1**.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là **Nguyễn Bảo K** (nam), sinh ngày 24/8/2019, cháu thứ hai là **Nguyễn Phạm Tường V** (nữ), sinh ngày 17/4/2021. Sau khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao cả 2 cháu **Bảo K** và **Tường**

V cho chị C1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/2 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2026.

[3] Về tài sản: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí DSST: Anh Nguyễn Văn C nộp 150.000đ, chị Phạm Thị C1 nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận anh C1 nộp thay lệ phí DSST cho chị C1.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị C1.

- Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao 2 cháu Nguyễn Bảo K (giới tính: nam), sinh ngày 24/8/2019 và cháu Nguyễn Phạm Tường V (giới tính: nữ), sinh ngày 17/4/2021 cho chị Phạm Thị C1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh C1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/2 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2026.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị C1 mỗi người nộp 150.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh C1 nộp thay cho chị C1 được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh C1 đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá theo biên lai thu số: 0001338 ngày 11/8/2026. Như vậy, anh C1 chị C1 đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc*

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
 - Đường sự;
 - UBND xã Hà Long,
- tỉnh Thanh Hoá (ĐK 11/9/2018);
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
 - Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TÓNG THỊ HÀ